|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (Lần 2)** | | | |
| **KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN** | | | Học kỳ: 1 | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: 211\_DVH0580\_01 Tên học phần: ***Các vấn đề xã hội đương đại (DVH0580)*** | | | | | |
| Mã nhóm lớp HP: | **K24VH2, K24VH1** | | | | |
| Thời hạn nộp tiểu luận: | 10 ngày kể từ thời điểm giao chủ đề | | | | |
| Hình thức thi: | **Dự án/Đồ án/Bài tập lớn/Tiểu luận** | | | | |
| **Cách thức nộp bài: File pdf, nộp qua moodle exam của phòng Khảo thí – VLU.** | | | | | |
|  | | | | | |

**ĐỀ BÀI: *Trình bày đặc trưng nổi bật của phê bình sinh thái và văn học giới. Hãy so sánh những tương đồng và khác biệt của mối liên hệ giữa vấn đề môi trường và phê bình sinh thái với mối liên hệ giữa vấn đề giới tính và văn học về giới.***

CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY CỦA CHỦ ĐỀ:

PHẦN MỞ ĐẦU

* 1. Lý giải tầm quan trọng của 2 vấn đề môi trường sinh thái và giới.
  2. Khái quát cách hiểu chung và mối liên hệ với văn học.
  3. Khái quát về sự khác biệt.

PHẦN NỘI DUNG

2.1. Phần lý thuyết:

- Trình bày khái quát lý thuyết, khái niệm về vấn đề xã hội đương đại: môi trường sinh thái, giới.

- Phân tích cách hiểu của bản thân.

2.2. Phần văn học:

- Khái quát được quy luật văn học – đời sống.

- Lý thuyết văn học giới và phê bình sinh thái.

2.3. Phần tương đồng, khác biệt

- Về lịch sử phát triển.

- Sự đa dạng của các nhánh phê bình.

- Sự gặp gỡ của hai lý thuyết

2.4. Phần chứng minh: một số tác phẩm văn học về giới và về sinh thái

PHẦN KẾT LUẬN

3.1. Khái quát về lý thuyết, tương đồng, khác biệt.

3.2. Mở rộng vấn đề.

*Rubic đánh giá chi tiết:*

|  | **Xuất sắc**  **9.0 – 10.0** | **Tốt**  **8.0 – 8.9** | **Khá**  **7.0 – 7.9** | **Trung bình**  **5.0 – 6.9** | **Kém**  **< 5.0** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trình bày báo cáo (10 %)** | Trình bày theo đúng quy định; Bố cục lôgic, thu hút và có tính thẩm mỹ cao, thể hiện được tính sáng tạo. | Trình bày theo đúng quy định; Bố cục lôgic, thu hút và có tính thẩm mỹ cao. | Trình bày theo đúng quy định; Bố cục khá lôgic và khá thu hút. | Trình bày chưa đúng theo quy định (Vướng 1 vài lỗi nhỏ về format); Bố cục tương đối phù hợp và chưa thật sự thu hút. | Trình bày không đúng theo quy định; Bố cục rời rạc, không thu hút và không đạt yêu cầu đề ra. |
| **Bố cục, cấu trúc báo cáo (10%)** | Bố cục, cấu trúc rõ ràng, được sắp xếp hợp lý, bao gồm đầy đủ các nội dung/ mục theo yêu cầu và mở rộng được một vài nội dung có liên quan mang tính ứng dụng thực tiễn phù hợp. | Bố cục, cấu trúc rõ ràng, được sắp xếp hợp lý, bao gồm đầy đủ các nội dung/ mục theo yêu cầu. | Bố cục, cấu trúc khá rõ ràng, được sắp xếp hợp lý, bao gồm khá đầy đủ các nội dung/ mục theo yêu cầu. | Có bố cục, cấu trúc nội dung tương đối phù hợp, tuy nhiên còn thiếu 1 – 2 nội dung/ mục theo yêu cầu. | Bố cục, cấu trúc nội dung không đạt yêu cầu/ không phù hợp/ không sử dụng, thiếu từ 2 nội dung/ mục theo yêu cầu trở lên. |
| **Nội dung báo cáo (30%)** | * Văn phong rõ ràng, súc tích, không có lỗi chính tả; * Thông tin đầy đủ, nêu bật được các nội dung theo yêu cầu, liên hệ được thực tiễn, tính ứng dụng cao và mang tính sáng tạo. | * Văn phong rõ ràng, súc tích, không có lỗi chính tả; * Thông tin đầy đủ, nêu bật được các nội dung theo yêu cầu, liên hệ được thực tiễn, mang tính ứng dụng. | * Văn phong rõ ràng, súc tích, không có lỗi chính tả; * Thông tin khá đầy đủ nhưng chưa nêu bật được các nội dung theo yêu cầu, không liên hệ được thực tiễn. | * Vướng 1 vài lỗi về văn phạm và chính tả; * Thông tin chưa đầy đủ và sơ sài, nội dung trình bày còn lan man, chung chung và chưa đáp ứng được yêu cầu. | * Vướng rất nhiều lỗi về văn phạm và chính tả; * Thông tin không đầy đủ, nội dung không đáp ứng được yêu cầu đề ra. |
| **Phân tích, lập luận (30 %)** | * Có khả năng xử lý các vấn đề rất hiệu quả, sử dụng khả năng tư duy và dữ liệu để tạo ra các phân tích và lập luận thuyết phục. * Có khả năng lập luận và biện luận rất rõ rõ ràng, súc tích. | * Có khả năng xử lý các vấn đề hiệu quả, sử dụng khả năng tư duy và dữ liệu không hoàn chỉnh để tạo ra các hướng giải quyết khác nhau cho vấn đề của báo cáo. * Có khả năng lập luận và biện luận rành mạch. | * Minh chứng được khả năng xử lý với dữ liệu để giải quyết vấn đề. * Có minh chứng khả năng lập luận ở mức chấp nhận được. | Không minh chứng được khả năng xử lý với dữ liệu để giải quyết vấn đề nhưng có nỗ lực xử lý vấn đề. | Không minh chứng được khả năng xử lý với dữ liệu để giải quyết vấn đề và không đưa ra phương cách xử lý vấn đề. |
| **Thông tin, dữ liệu (5%)** | * Các thông tin, dữ liệu đầy đủ, phù hợp và hỗ trợ các phân tích. Thông tin được trình bày rõ ràng (bảng biểu và đồ thị phù hợp). Thông tin được trích dẫn nguồn đầy đủ. | * Có nhiều thông tin và dữ liệu hỗ trợ các phân tích. Thông tin trình bày tương đối rõ ràng. Thông tin có chú trọng trích dẫn nguồn, nhưng chưa đầy đủ. | * Có một số thông tin và dữ liệu hỗ trợ các phân tích. Thông tin trình bày tương đối rõ ràng, có trích dẫn nguồn nhưng còn thiếu. | Rất ít thông tin và dữ liệu hỗ trợ các phân tích. Thông tin trình bày không rõ ràng, có trích dẫn nguồn nhưng còn thiếu nhiều. | Không có dữ liệu hỗ trợ, thông tin trình bày cẩu thả, không dẫn nguồn. |
| **Tài liệu tham khảo (5%)** | Trích dẫn phù hợp, thống nhất và theo đúng mẫu quy định. | * Trích dẫn phù hợp, thống nhất và theo đúng mẫu quy định. * Dưới 03 lỗi sai khi trích dẫn. | * Trích dẫn phù hợp, thống nhất và theo đúng mẫu quy định. * Nhiều hơn 03 lỗi sai khi trích dẫn. | * Có vài trích dẫn chưa phù hợp, chưa thống nhất, và theo đúng mẫu quy định. * Nhiều hơn 5 lỗi sai khi trích dẫn. | Trích dẫn hoàn toàn không phù hợp, không thống nhất, và không theo đúng mẫu quy định. |
| **Thời hạn hoàn thành (10 %)** | Nộp bài đúng hay sớm so với thời hạn. |  | * Nộp bài trễ hạn 1 ngày |  | Nộp bài trễ thời hạn hơn 1 ngày |

*Ngày biên soạn: 03/11/2021*

**Giảng viên biên soạn đáp án:** Nguyễn Quốc Thắng

*Ngày kiểm duyệt: 03/11/2021*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đáp án: ThS. Lê Thị Gấm**